

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 45/GP-UBND ngày 29/7/2019
của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH Việt Thắng khai thác khoáng sản
đá sét làm phụ gia xi măng tại khu vực khe Mạ, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền;

Căn cứ Quyết định 239/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của UBND
tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh Dự án khai
thác khoáng sản đá sét làm phụ gia xi măng tại huyện Phong Điền;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của UBND tỉnh
Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số
45/GP-UBND ngày 29/7/2024 cấp cho Công ty TNHH Việt Thắng khai thác
khoáng sản đá sét làm phụ gia xi măng tại khu vực khe Mạ, xã Phong Mỹ, huyện
Phong Điền;

Xét các đề nghị của Công ty TNHH Việt Hải tại Văn bản số
03/TVH ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường;
Văn bản số 09 ngày 27/9/2024 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh
sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở Khai thác khoáng
sản đá sét làm phụ gia xi măng tại khu vực Khe Mạ, xã Phong Mỹ, huyện
Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
408/TTr-STNMT-MT ngày 02 tháng 10 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Việt Hải, địa chỉ văn phòng:
165 Hùng Vương, phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế,
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khai thác khoáng sản

đá sét làm phụ gia xi măng tại khu vực Khe Mạ, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khai thác khoáng sản đá sét làm phụ gia xi măng tại khu vực Khe Mạ, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

1.2. Địa điểm hoạt động cơ sở: Khu vực Khe Mạ, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: 3301662690, đăng ký lần đầu: ngày 11/11/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 08/4/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

1.4. Mã số thuế: 3301662690.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản đá sét làm phụ gia xi măng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô diện tích sử dụng đất: Diện tích khu vực khai thác: 7,00 ha, thuộc xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có tọa độ được giới hạn bởi các điểm góc được đánh ký hiệu từ M1 đến M9 (Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰):

Bảng 1.1 Tọa độ ranh giới khu vực khai thác mỏ

Điểm góc	Tọa độ VN -2.000 (KTT 107 ^o múi chiếu 3 ^o)	
	X (m)	Y (m)
1	1.828.783,57	528.823,37
2	1.828.808,49	528.938,32
3	1.828.760,00	529.032,00
4	1.828.788,00	529.042,00
5	1.828.822,00	529.000,39
6	1.828.891,73	529.311,02
7	1.828.678,55	529.332,00
8	1.828.702,00	528.983,00
9	1.828.673,32	528.852,00

- Công suất khai thác: 40.000 tấn/năm ~ 20.202m³/năm

- Trữ lượng:

+ Trữ lượng địa chất thể tự nhiên được phê duyệt: 872.681 tấn ~ 440.748m³

+ Trữ lượng khai thác thể tự nhiên: 829.047 tấn ~ 418.711 m³

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 872.681m³ ~ 440.748m³

- Khai thác đất tầng phủ: Một phần để cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ, phần còn lại thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định có liên quan khác.

- Sản phẩm: khoáng sản đá sét làm phụ gia xi măng.

- Phương pháp khai thác: lộ thiên;

- Thời gian khai thác mỏ: đến hết ngày 12/02/2039.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các phương án giảm phát sinh bụi trong quá trình hoạt động khai thác quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thăng Việt Hải có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện các nội dung theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 45/GP-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 45/GP-UBND ngày 29/7/2024 cấp cho Công ty TNHH Việt Thăng khai thác khoáng sản đá sét làm phụ gia xi măng tại khu vực khe Mạ, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền.

2.2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật;

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường;

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký;

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Thăng Việt Hải;
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong Mỹ;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 50 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình xịt rửa xe (được thu gom, xử lý và tuần hoàn tái sử dụng không thải ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: Nước mưa chảy tràn qua hố lắng sau đó theo tuyến mương chảy qua hồ phía Bắc khu mỏ;

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ nước phía Bắc cơ sở, thuộc xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Mương thoát nước sau hố lắng, hồ nước phía Bắc khu mỏ.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰): X: 1.828.788 (m); Y: 529.042(m)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.017,563 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ);

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C _{max} , cột B, Kq = 0,6; Kf= 1,0)
1	pH	5,5 - 9
2	SS	60
3	Tổng dầu mỡ khoáng	6,0

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom nước mưa tại khu mỏ

- Tại mỏ, phần nước mưa trong khu vực khai thác có cosd sau khi khai

thác từ +22m trở xuống (khu vực hướng Đông Bắc và Đông Nam khu mỏ) được thu gom bằng phương pháp tự chảy theo mương rãnh thoát nước dẫn vào moong khai thác (moong khai thác được sử dụng như là hồ lắng bậc 1), sau đó dùng bơm công suất 5kW, bơm cưỡng bức phần nước trong lên hồ lắng ở phía Bắc khu mỏ để lắng chất rắn lơ lửng, sau đó theo đường mương thoát ra hồ nước ở phía Bắc khu mỏ.

- Ngoài ra, phần nước mưa tại khu vực khai thác có cosd sau khi khai thác từ +22m (khu vực hướng Tây Bắc và Tây Nam khu mỏ) trở lên được thu gom bằng các mương đất sau đó dẫn về hồ lắng ở phía Bắc khu mỏ để lắng chất rắn lơ lửng, sau đó theo đường mương thoát ra hồ nước ở phía Bắc khu mỏ.

** Các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa:*

- Hệ thống thu gom nước mưa tại khu vực khai thác có cosd sau khi khai thác từ +22m trở xuống:

+ Hệ thống đường ống thu gom nước từ moong khai thác:

+ Chiều dài đường ống dẫn nước từ moong khai thác về hồ lắng: 275m.

+ Vật liệu: ống nhựa PVC $\phi 60\text{mm}$.

- Hệ thống thu gom nước mưa tại khu vực khai thác có cosd sau khi khai thác từ +22m trở lên:

- Hệ thống mương tự nhiên:

+ Chiều rộng đáy: 0,4 m.

+ Độ dốc mái taluy: 1:1.

+ Chiều rộng mặt mương tùy thuộc vào địa hình tự nhiên của khu vực.

+ Độ dốc tuyến mương 0,5%.

+ Chiều dài mương thu gom nước về hồ lắng: 160m

- Hệ thống thoát nước từ hồ lắng ra hồ nước phía Bắc khu mỏ:

+ Chiều rộng đáy: 1 m.

+ Độ dốc mái taluy: 1:1.

+ Chiều rộng mặt mương tùy thuộc vào địa hình tự nhiên của khu vực.

+ Chiều dài mương tự nhiên dẫn nước từ hồ lắng ra hồ nước phía Bắc khu mỏ: 5m.

- Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm ở vị trí hồ lắng để tránh các tai nạn đáng tiếc xảy ra. Định kỳ nạo vét 01 tuần/lần để đảm bảo công năng của hồ lắng.

1.1.2. Nước thải sinh hoạt

Chủ cơ sở hợp đồng với Hộ gia đình cách mỏ khoảng 100m về hướng Tây Bắc để cho CBCNV được sử dụng nhà vệ sinh của Hộ gia đình trong quá trình làm việc tại mỏ (*Hợp đồng được đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo*).

1.1.3. Nước thải từ quá trình xịt rửa lốp xe

- Nước thải từ trạm xịt rửa lốp xe tự động được thu gom bằng ống PVC D90, dài 4m dẫn về bể lắng ba (03) ngăn.

- Nước thải từ trạm xịt rửa xe lớp xe tự động sau khi xử lý bằng bể lắng ba ngăn được bơm tuần hoàn bằng máy bơm 11kW tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác:

Công ty đã bố trí 01 hồ lắng để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.

- Thông tin hồ lắng:

+ Thể tích hồ lắng: 448m³ (32m x 14m x 1m)

+ Vị trí: hồ lắng nằm ở gần mốc M3 trong ranh giới khu mỏ

- Tọa độ địa lý của hồ lắng (hệ tọa độ VN-2.000, KTT 107⁰ múi chiều 3⁰):

X (m): 1.832.486,65;

Y (m): 539.150,43.

1.2.2. Xử lý nước thải sinh hoạt

Chủ cơ sở hợp đồng với Hộ gia cảnh cơ sở cho CBCNV được sử dụng nhà vệ sinh của Hộ gia đình trong quá trình làm việc tại mỏ.

1.2.3. Nước thải từ quá trình xịt rửa xe

Cơ sở đã đào một bể lắng ba ngăn để thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động xịt rửa lớp xe.

Nước thải từ quá trình xịt rửa xe sau khi thu gom, được đưa về xử lý tại bể lắng ba ngăn. Tại bể lắng ba ngăn, nước thải được chuyển đầu tiên về ngăn lắng thứ nhất.

Tại ngăn lắng thứ nhất, phần bùn cát được lắng lại, nước trong theo các khe hở thông qua ngăn lắng thứ hai.

Tại ngăn lắng thứ hai, phần cặn lắng tiếp tục được lắng lại, nước trong tiếp tục theo các khe hở thông qua ngăn lắng thứ ba.

Tại ngăn lắng thứ ba, phần cặn lắng được lắng lại, phần nước trong được bơm vào tuyến ống HDPE D90 bằng máy bơm 11kW để xịt rửa thành và lớp xe. Nước sau khi xịt rửa thành lớp xe được thu gom về bể lắng ba ngăn và được tuần hoàn sử dụng cho hoạt động xịt rửa thành, lớp xe của trạm xịt rửa.

+ Kích thước bể lắng ba ngăn: 10m x 3,5m x 1,45m. Trong đó:

Ngăn lắng thứ nhất có kích thước: 4m x 3,5m x 1,45m;

Ngăn lắng thứ hai có kích thước: 2m x 3,5m x 1,45m;

Ngăn lắng thứ ba có kích thước: 4m x 3,5m x 1,45m;

+ Vị trí: cạnh trạm xịt rửa lớp xe tự động.

Tọa độ địa lý của bể lắng ba ngăn (hệ tọa độ VN-2000, KTT 107⁰ múi chiều 3⁰): X (m): 1.828.802,72; Y(m): 528.912,63;

+ Mương thu gom dài 4m.

+ Nguồn nước sử dụng phục vụ trạm xịt rửa lớp xe tự động: tận dụng lại nguồn nước sau xử lý tại bể lắng ba ngăn và bổ sung thêm nước từ hồ nước ở phía Bắc khu mỏ.

- Nước thải xịt rửa xe sau khi qua bể lắng ba ngăn được bơm tuần hoàn lại cung cấp cho trạm xịt rửa lốp xe tự động, không xả thải.

- Cơ sở sẽ tiến hành nạo vét các ngăn lắng thuộc bể lắng ba ngăn với tần suất 01 tuần/lần để đảm bảo lắng các chất rắn lơ lửng trước khi bơm tái sử dụng.

Nước thải xịt rửa xe sau quá trình lắng sẽ chảy qua bể chứa nước để tuần hoàn sử dụng, không xả ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 50 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép về khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất.

2. Công ty bố trí 01 trạm xịt, rửa xe tự động tại gần vị trí đầu đường vào mỏ để xịt rửa xe trước khi xe lưu thông vào tuyến đường vận chuyển. Công ty thực hiện việc xịt rửa thành và lốp xe thường xuyên khi xe vận chuyển ra vào mỏ.

- Quy trình vận hành: Các phương tiện vận chuyển di chuyển vào trạm, hệ thống cảm biến nhận diện phương tiện, nước sẽ tự động phun để làm sạch hết các bụi bẩn dính bám trên lốp xe. Thời gian phun được điều chỉnh 60 giây/lần phun. Sau khi được làm sạch theo đúng quy trình và thời gian cài đặt, tài xế sẽ điều khiển xe qua khu vực rửa, cùng lúc xe tiếp theo sẽ được di chuyển vào vị trí làm sạch.

Nguồn cấp nước: Nước được hút từ bể lắng ba ngăn và cấp bổ sung thêm nước từ hồ nước ở phía Bắc khu mỏ.

- Trạm xịt rửa xe tự động gồm các hạng mục sau:

+ Hệ thống cảm biến;

+ Đường ống dẫn nước (ống HDPE D90) và 34béc phun;

+ 01 máy bơm nước 11kW

+ 01 bể lắng ba ngăn

- Thực hiện phun nước chống bụi bề mặt khu vực khai thác trong những ngày nắng nóng, có gió lớn bằng xe bồn.

- Sử dụng xe chuyên dùng thực hiện việc tưới nước lên đường vận.

3. Khi vận chuyển, các phương tiện có bạt che phủ và đúng trọng tải quy định.

- Kiểm soát tốc độ vận chuyển của xe, đặc biệt yêu cầu các lái xe giảm tốc độ khi đi qua các khu vực đông dân nhằm giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và hạn chế tai nạn giao thông.

- Khảo sát các tuyến đường vận chuyển, nếu có trường hợp rơi vãi đất cần có phương án tưới nước nhằm hạn chế bụi.

- Trồng thêm cây xanh tạo dải xanh xung quanh khu mỏ để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh trong vùng khai thác và tôn tạo cảnh quan vùng được cấp phép.

4. Thường xuyên thu gom đất đá thải rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển;

5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi hoạt động phát sinh bụi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 50 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: Từ các phương tiện giao thông ra vào mỏ, hoạt động của các thiết bị, máy móc.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN -2.000 (KTT 107 ⁰ múi chiều 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	1.828.783,57	528.823,37
2	1.828.808,49	528.938,32
3	1.828.760,00	529.032,00
4	1.828.788,00	529.042,00
5	1.828.822,00	529.000,39
6	1.828.891,73	529.311,02
7	1.828.678,55	529.332,00
8	1.828.702,00	528.983,00
9	1.828.673,32	528.852,00

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng máy móc thiết bị, vận chuyển hợp lý về cả số lượng các loại máy móc, phương tiện và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực thi công, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung;

- Khai thác đúng giờ quy định, không khai thác, vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối;

- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị trước khi khai thác, khai thác đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định;

- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn, độ rung;

- Hạn chế bóp còi và giảm tốc độ xe khi đi qua các khu vực dân cư;

- Đối với những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn, trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 50 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Công tác sửa chữa được thực hiện tại gara sửa chữa trên địa bàn, tại khu vực mở không diễn ra công tác sửa chữa nên tại không phát sinh CTNH. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng thực tế phát sinh: Công nhân không ăn uống, lưu trú tại mở nên không phát sinh chất thải sinh hoạt.

1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình	Mã CTRTT
1	Đất phủ từ quá trình khai thác	Rắn	35.007m ³ /toàn bộ quá trình khai thác	01 07 03
2	Đất, bùn từ hố lắng	Rắn	100 kg/lần vệ sinh	12 06 13
3	Đất, bùn từ bể lắng 3 ngăn của trạm xịt rửa xe	Rắn	50 kg/lần vệ sinh	12 06 13

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Tại khu vực mở không diễn ra công tác sửa chữa nên tại không phát sinh CTNH. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với đất từ hoạt động nạo vét hồ lắng được xe múc, múc lên để ráo nước ngay tại bờ hồ nhằm tận dụng sau ủi khu vực trạm xịt rửa xe sau khi kết thúc khai thác.

- Đối với đất, bùn từ bể lắng ba ngăn của trạm xịt rửa lốp xe tự động được nạo vét đưa đến điểm tập kết tại bờ của bể lắng ba ngăn, nhằm tận dụng san ủi trạm xịt rửa xe sau khi kết thúc khai thác.

- Đối với đất tầng phủ từ quá trình khai thác sẽ được đổ tạm thời trong khuôn viên mở tại khu vực chưa khai thác, sau này trong trường hợp chưa được vận chuyển đi theo quy định của Luật khoáng sản, nêu khai thác đến vị trí đổ tập kết tạm thời, cơ sở sẽ tiến hành bóc phân đã đổ thải cộng với phần đất bóc tiếp theo đến tập kết ở vị trí đã hoàn thành khai thác trước đó. Lượng đất phủ này với khối lượng dự kiến khoảng 16.466,75m³ được tận dụng cho quá

trình cải tạo, phục hồi môi trường sau này của Cơ sở, phần còn lại Công ty lập hồ sơ xin phép cấp có thẩm quyền cho phép khai thác để san lấp các công trình, được xúc bốc lên ô tô vận chuyên trực tiếp đến các công trình. Quá trình vận chuyên đất tầng phủ tuân thủ quy định của Luật Khoáng sản và các biện pháp bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động

- Lắp đặt một số biển cảnh báo xung quanh khu vực khai thác nhằm hạn chế tối đa tai nạn có thể xảy ra khi con người và súc vật đi qua địa điểm thực hiện;

- Cấm biển cảnh báo độ sâu hố lảng để người dân và cán bộ công nhân biết và đề phòng;

- Công nhân vận hành máy móc thiết bị như máy xúc, máy ủi được đào tạo và đảm bảo thông thạo kỹ thuật trước khi vận hành máy;

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và vệ sinh lao động đồng thời có chế độ kiểm tra việc chấp hành của người lao động;

- Tổ chức các buổi tập huấn về an toàn lao động cho công nhân;

- Có chế độ làm việc, nghỉ ngơi với thời gian hợp lý;

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong quá trình thi công;

- Không thi công khai thác vào mùa mưa để tránh gây sạt lở công trình ảnh hưởng đến tính mạng con người.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc nội quy an toàn lao động. Các công tác đảm bảo an toàn lao động trong từng công đoạn của hoạt động khai thác được trình bày cụ thể như sau:

2. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Tập huấn, nâng cao hiểu biết và khả năng ứng phó khi có cháy xảy ra cho công nhân của cơ sở;

- Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ, phòng chống cháy rừng cho công nhân;

Khi có báo cháy:

- Ngay lập tức xác định khu vực cháy và loại hình đám cháy: nhỏ, lớn.

- Ngay lập tức huy động nhân lực sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để dập tắt đám cháy với đám cháy nhỏ.

- Với đám cháy lớn, thực hiện báo động để sơ tán, tránh gây tổn thất về con người.

- Gọi điện báo ngay cho lực lượng chữa cháy theo số điện thoại 114.

- Huy động nhân lực sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ để kiểm soát đám cháy trong khi chờ đơn vị chữa cháy chuyên nghiệp tới.

- Kết hợp cùng lực lượng công an địa phương để giữ gìn trật tự, bảo vệ hiện trường phục vụ cho việc điều tra kết luận nguyên nhân vụ cháy. Làm báo có sự cố theo quy định.

3. Các biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở đất

- Bố trí cán bộ phụ trách mỏ có chuyên môn để điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất đá xảy ra.

- Theo dõi thông tin mưa bão và lên kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở đất đá; Tạm ngừng khai thác, sơ tán cán bộ công nhân, máy móc, phương tiện (nếu cần thiết) để tránh những thiệt hại do sự cố sạt, lở đất đá gây ra khi trời mưa to.

- Kiểm tra, nạo vét các tuyến thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn; Kiểm tra, gia cố bờ moong khai thác, đầm nén chắc chắn khu vực bãi chứa đất phủ trước mùa mưa bão để hạn chế sạt lở đất đá.

- Công tác khai thác phải tuân theo hồ sơ thiết kế mỏ đã phê duyệt.

- Không đào khoét, khai thác hồng chân và tránh những chấn động, những mảnh đất, đá có nguy cơ bị sụp đổ.

- Khi phát hiện có dấu hiệu, hiện tượng sạt lở phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực mỏ trong trường hợp mưa bão, không ở lại nhà điều hành.

- Xây dựng phương án chống sạt lở tại công trình và cam kết thực hiện theo đúng phương án đã xây dựng.

4. Sự cố đối với các hố lắng

- Định kỳ tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thu gom thoát nước thải, hố lắng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải để sớm sửa chữa khi phát hiện rò rỉ, hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng hệ thống phun sương, trạm xịt rửa xe.

5. Sự cố tại trạm xịt rửa xe tự động

Khi có sự cố hư hỏng tại trạm xịt rửa xe tự động, Cơ sở thực hiện biện pháp sau:

- Dừng khai thác, vận chuyển đất để sửa chữa trạm xịt rửa xe tự động.

- Thường xuyên theo dõi để nạo vét hố lắng tại trạm xịt rửa xe tự động.

6. Các biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông

- Quy định thời gian vận chuyển hợp lý đối với các phương tiện để tránh ùn tắc vào giờ cao điểm.

- Bố trí tiến độ vận chuyển hợp lý, không tập trung vận chuyển một khối lượng các phương tiện vận chuyển cùng một lúc, trên cùng một tuyến đường.

- Không chở vật tư, nguyên vật liệu quá tải, cồng kềnh.

- Thực hiện tốt công tác kiểm định, duy tu, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 50 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường: Căn cứ vào điều kiện thực tế của loại hình khai thác khoáng sản ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; hiện trạng khai trường sau kết thúc khai thác và tuân thủ hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty lựa chọn phương án cải tạo phục hồi môi trường như sau:

- Đối với khu vực khai trường từ cosd +22m trở lên:
 - + Thực hiện san gạt để đảm bảo trồng cây sau khi kết thúc khai thác với diện tích: 32.592m², độ dày: 0,5m.
 - + Trồng cây sau khi tạo hố đất: Loại cây được chọn trồng là cây keo lai, mật độ 2.500 cây/ha.
- Đối với khu vực khai trường từ cosd +22m trở xuống:
 - + Thực hiện bạt mái đá bờ moong nhằm đảm bảo an toàn cho bờ moong với diện tích: 4.912,5m²
 - + Xây trụ, cột bê tông, dựng hàng rào dây thép gai dọc ranh giới kết nối phần hồ hiện trạng với chiều dài khoảng: 1.477m
 - + Lắp biển báo nguy hiểm trên đoạn hàng rào thép gai đã xây.
- Tháo dỡ trạm xịt rửa xe.
- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được giữ nguyên để đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực mỏ. Và sau khi kết thúc khai thác, khu vực khai trường từ cosd +22m trở xuống tạo thành hồ nước (hồ lắng thuộc phạm vi hồ) nên hồ lắng được giữ nguyên, không san gạt.
- San lấp trạm xịt, bể lắng ba ngăn.
- Tuyến đường giao thông: Duy tu lại tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến đường liên thôn với chiều dài khoảng 150m.

Tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai trường từ cosd +22m trở xuống			
I.1	Làm hàng rào bảo vệ			
1	Làm hàng rào kẽm gai	1 m2	2.251,84	
2	Đào móng bằng máy đào $\leq 0,4m^3$	1 m3	51,968	

3	Bê tông móng chiều rộng R>250cm	1 m3	49,648	Sau khi kết thúc khai thác mỏ
4	Sản xuất, lắp dựng & tháo dỡ ván khuôn KL	1 m2	194,88	
5	Cốt thép cột, cọc, cừ, xà dầm, giằng	1 tấn	1,977	
6	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn	1 m3	9,28	
7	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc	Cái	464	
8	Vận chuyển cấu kiện bê tông, P<=200kg	tấn	23,2	
9	Lắp dựng biển báo	1 Cái	27	
I.2	Bạt mái đá			
10	Bạt mái đá đào bằng máy	1m2	4.912,5	
II	Khu vực khai trường từ cosd +22m trở lên			Sau khi kết thúc khai thác mỏ
II.1	San gạt đất			
11	San gạt đất bằng máy ủi 110CV	1m3	16.296	
V	Trồng cây			
12	Trồng cây	1ha	3,259	
III	Tháo dỡ trạm xịt rửa xe, bể lắng ba ngăn			
13	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao ≤6m	tấn	0,212	
14	Phá dỡ nền - nền bê tông không cốt thép	1m3	12	
15	Phá dỡ móng bê tông có cốt thép	1m3	10	
16	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m	1m3	22	
17	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3 - Cấp đất III	1m3	170,75	
18	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn - Cự ly vận chuyển trong phạm vi ≤1km	1m ³	170,75	
19	San đất bằng máy ủi 110CV	1m3	170,75	
IV	Duy tu bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển gần khu vực mỏ	km	0,15	
V	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình IV	100 ha	0,073737	

2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: A = 1.624.313.000 đồng
(*Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu ba trăm mười ba nghìn đồng./.*)

- Thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 16 lần;

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 406.078.250 đồng;

+ Số tiền ký quỹ các lần còn lại: 81.215.650 đồng;

Chủ cơ sở đã thực hiện ký quỹ với số tiền là 347.625.964 đồng. Việc khấu trừ số tiền đã đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường và theo quy định của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Thời điểm ký quỹ: Chủ cơ sở thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: Số 115 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế.

B. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty TNHH Thăng Việt Hải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.